

TƯỚNG QUAN XIÊM - VIỆT CUỐI THẾ KỶ 18 (Tiếp theo)

Nguyễn Duy Chính*

IV. CHÚA NGUYỄN XÂY DỰNG ĐẠI NGHIỆP

a. Chúa Nguyễn trốn khỏi Bangkok

Tháng giêng năm Đinh Mùi (1787), chúa Nguyễn ở Bangkok được người Bồ Đào Nha ở Goa (Ấn Độ) liên lạc theo sự vận động của Giám mục Pigneau de Béhaine hứa giúp một số chiến thuyền. Triều đình Xiêm La tỏ vẻ bất bình, có lẽ vì việc tự tiện liên lạc với nước ngoài đi ngược lại với giao kết của một thuộc quốc là *tất cả các liên hệ với bên ngoài đều do Bangkok chủ trì* nên Nguyễn Ánh đành phải kín đáo từ chối.⁽¹⁾

Cũng vì việc này, triều đình Xiêm La không còn tín nhiệm chúa Nguyễn như trước nên ông phải tính kế trốn về nước mặc dầu vẫn hết sức mềm mỏng vì biết rằng một khi Xiêm La ngả sang ủng hộ Tây Sơn thì không những đại nghiệp khó thành mà tính mạng cũng lâm nguy. Cũng vì phong thanh biết chúa Nguyễn đang tìm đường trốn ra khỏi vòng cương tỏa của mình, Xiêm vương thứ hai (Maha Uparat) có ý muốn xuống tay tận diệt vua tôi Nguyễn Ánh. Mâu thuẫn giữa hai người còn kéo dài mãi cho tới khi chúa Nguyễn thống nhất được Việt Nam và ông chỉ yên tâm khi đệ nhị vương tử trần vào năm 1803. Nhân dịp vua Xiêm không có mặt ở Bangkok, chúa Nguyễn bí mật bỏ trốn lấy cớ là *“nếu có xin phép thì vua Xiêm chắc cũng không cho”*.⁽²⁾

Cũng việc này, sử Xiêm La chép kỹ hơn, đại thể có giống mặc dầu cũng nhiều điều hư cấu.

... *Được một thời gian, Ong Chiang Su [ông Thượng Sư, tiếng người Xiêm gọi Nguyễn Ánh. NDC] bàn với nhóm quan lại đi theo ông, nói rằng: “Chúng mình trốn kẻ thù đến đây nhờ vua Xiêm che chở. Ngài đối với ta rất tốt, sẵn sóc chu đáo khiến ta rất vui lòng. Ngài cũng còn tuyển quân và sai họ tấn công kẻ thù để giúp ta khôi phục vương quốc nhưng những nỗ lực đó đến nay chưa thành tựu. Thế nhưng hiện nay nhà vua có những mối lo về chiến dịch đánh Miến Điện và xem ra không có thể giúp chúng ta được nữa. Nếu mình yêu cầu nhà vua cho phép mình rời khỏi nơi đây để tự liệu dùng sức của mình lấy lại nước, ta e rằng sẽ bị hoàng thượng trừng phạt vì ngài chẳng khứng cho chúng ta bỏ đi. Chỉ bằng mình lén trốn đi thì mới mong thành công.”*

Sau khi tham khảo mọi người và đồng ý, Ong Chiang Su viết một lá thư yêu cầu vua Xiêm cho phép ra đi và đặt lá thư đó trên bệ thờ. Sau đó ông ra lệnh cho Ong Kwan và Ong Yi lấy chiếc thuyền lớn mà họ đã mang đi lúc trước ra đợi ông tại đảo Sichang.

Tối hôm đó, Ong Chiang Su cho kiểm Nai Chan, Nai Yu và Nai Muang, cả ba người là thị vệ dưới quyền chỉ huy của Kromluang Thepharirak, cháu của nhà

* California, Hoa Kỳ. Xem từ Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển, số 6 (65).2007 và số 1 (66).2008.

vua [ông này chính là người được cử đem quân sang Việt Nam rồi thua tại trận Rạch Gầm] và họ đều là bạn thân của người Việt. Máy người đó được mời đến uống rượu tại nhà Ông Chiang Su, mỗi người còn được tặng một vuông nhiễu màu đỏ. Nai Chan, Nai Yu và Nai Muang say khướt không còn biết gì nữa. Ông Chiang Su lúc đó mới sai trói cả ba người lại đem để xuống dưới khoang thuyền.

Ông Chiang Su dẫn thân quyến và tùy tùng cùng với ba người Việt khác đã sống tại Bangkok từ lâu: Ông Hiao, thợ cả của đội thợ chạm (Krom Changsalak), Ông Hup, thợ cả của đội thợ mộc (Krom Changmai), và Ông Kaolo, thợ cả của đội thợ đúc (Krom Changlo). Tất cả lên thuyền xong, nhổ neo và hối hả chèo thuyền đi trong đêm tối. Tổng cộng là bốn chiếc thuyền với hơn 150 người.

Tối hôm đó, dân chúng ở khu vực gần bên nghe biết việc này và báo cho Phraya Phrakhleng. Phraya Phrakhleng báo cho nhà vua và hoàng thái đệ.⁽³⁾ Đệ nhị vương vô cùng tức giận, lập tức ra lệnh điều động một số tay chèo và một số thuyền. Dích thân ông ta ngự một thuyền rồng hối hả đuổi theo nhóm người Việt. Đến rạng đông họ đã trông thấy thuyền của Ông Chiang Su ở cửa vịnh.

Thuyền của Ông Chiang Su đến cửa vịnh tại Samutprakan thì không có gió nên không thể nào giương buồm được. Ông Chiang Su đốt nến, thắp hương và đốt vàng mã để cầu khẩn thần thánh. Ông ta xin rằng nếu như trời cho ông đi thoát, đánh lại kẻ thù và khôi phục vương quốc như lòng ông lâu nay mong mỏi thì gió hãy nổi lên để được thuận buồm xuôi gió. Thế nhưng khi Ông Chiang Su trông thấy thuyền rồng và thuyền hộ tống đến đông như kiến mà gió vẫn lặng yên. Ông ta kinh khiếp ra lệnh cho các tay chèo hết sức chèo cho thật nhanh. Các thuyền rồng dùng dầm bơi tới mỗi lúc một gần.

Ông Chiang Su nói: “Nếu ta chạy không thoát và người Thái bắt được ta lần này, thể nào họ cũng giết không tha, nếu không cũng giam lại suốt đời, và nếu như mệnh trời đã tuyệt thì ta cũng chẳng nên sống làm gì cho chặt đất”. Ông nói rồi rút gươm ra khỏi vỏ toan cắt cổ tự tử.

Ông Phu We lập tức nhảy đến giựt lấy thanh kiếm khỏi tay Ông Chiang Su khiến lưỡi gươm cắt đứt môi Ông Phu We. Ông Phu We mới nói: “Chúa thượng việc gì mà phải vội vã tự vẫn như thế. Trước khi bỏ đi chúng ta đã cầu khẩn và xin âm dương. Thật rõ ràng trời cho biết chúng ta sẽ đi thoát và hoàn thành đại nghiệp. Chúa thượng quả đúng là chân mạng đế vương. Mùa này chính là mùa gió nổi để đưa chúng ta ra khơi. Bây giờ còn sớm nên còn đứng gió. Chỉ thêm chút nữa là gió nổi lên thôi”.

Khi ông ta vừa dứt câu thì gió nổi lên, bốn chiếc thuyền Việt dùng cả buồm lẫn chèo chạy vượt xa chiếc long thuyền. Nhóm người Việt thấy chiếc thuyền rồng và hộ tống quay đầu trở về. Ông Chiang Su hết sức mừng rỡ và họ giương buồm đến đảo Sichang để gặp chiếc thuyền lớn.

Ông Chiang Su mới nói với các tùy tùng: “Lần này chúng ta thoát được là do lòng nhân của vua Xiêm đã cấm các viên chức hải phòng không được chặn thuyền ta ra vào để đánh cá mưu sinh. Chính vì thế chúng ta mới qua được dễ dàng. Còn bây giờ thì mình đi đâu?”

Ông Chuang đáp: “Nếu mình ghé vào đảo Kut nghỉ ngơi có lẽ là tốt hơn cả. Còn như ghé vào đảo Dot thì lại quá gần quân thù. Đảo Kut cũng còn nằm trong

địa phận nước Xiêm và quân giặc chắc không mạo hiểm đến đây tìm kiếm đâu. Ở nơi đây cũng có đủ nước ngọt.”

Nghe vậy Ong Chiang Su bằng lòng và ra lệnh đưa Nai Chan, Nai Yu, và Nai Muang lên trên ở cùng tàu với ông ta. Ngoài ra còn có bốn chiếc thuyền nhỏ. Ong Hiao, thợ cả đội thợ chèo đi chiếc thứ nhất. Ong Hup, thợ cả đội thợ mộc đi chiếc thứ hai. Ong Kaolo, thợ cả đội thợ đúc đi chiếc thứ ba. Còn chiếc thứ tư là chiếc mà Ong Chiang Su dùng để đi từ Bangkok thì ông cho tất cả mọi người lên đó. Như thế tổng cộng là năm chiếc cả thảy.

Đoàn thuyền cùng đi ngay đêm ấy. Họ mất bảy ngày mới đến được đảo Kut. Vào thời đó đảo này còn là đảo hoang không ai ở.

Trong khi đó, hoàng thái đệ Kromphraratchawang Bawon Sathanmongkhon không đuổi kịp Ong Chiang Su nên quay về báo tin cho nhà vua biết rằng ông ta đã đuổi theo đến tận cửa vịnh Xiêm La thì một trận gió nổi lên nên không bắt được Ong Chiang Su. Ông xin nhà vua ra lệnh cho đuổi theo bằng chiến thuyền dùng trên biển thì chắc chắn sẽ tìm thấy và mang những người Việt đó trở về.

Ngay lúc này, viên quan theo lệnh nhà vua đến lục soát nơi cư ngụ của Ong Chiang Su đã tìm ra được lá thư và đem về trình. Lá thư đó dâng lên nhà vua và ông yêu cầu đọc lên cho ông nghe. Thư đó như sau:

“Tôi, Ong Chiang Su, đã đến sống dưới sự che chở của bệ hạ. Bệ hạ đã nhân đức chăm lo khiến tôi rất vui lòng. Tuy nhiên lúc này tôi rất quan tâm về đất nước, nếu như công khai xin bệ hạ cho tôi trở về e rằng bệ hạ sẽ quả trách. Thành thử tôi đành phải trốn đi nhưng tôi hoàn toàn không hề có ý định âm mưu nổi loạn hay trở lại làm hại đến hoàng thượng một chút nào. Tôi nguyện là một thần tử của bệ hạ cho đến ngày cuối cuộc đời. Khi phải rời bệ hạ trong giờ phút này tôi chỉ cốt tìm cách tuyển mộ người để khôi phục lại đất nước. Nếu như thiếu khí giới, hay lực lượng kém địch quá xa, tôi sẽ gửi thư đến bệ hạ để xin bệ hạ giúp cho súng đạn, và cho một đạo quân đến giúp cho đến khi tôi toàn thắng. Khi khôi phục được giang sơn, từ đó về sau tôi sẽ xin làm phiên thuộc của hoàng thượng.”

Nhà vua nghe đọc xong lá thư mới ngăn em lại nói: “Đừng tuyển quân đuổi theo bắt y lại làm chi. Y thấy chúng ta không giúp y được vì chính mình cũng đang vướng bận vào những cuộc chiến nên y quyết định bỏ đi để thực hiện công cuộc phục quốc. Chúng ta đã đối đãi vô cùng hậu hĩ. Viết bằng tay rồi lại xoá đi bằng chân thì không phải chút nào.”

Người em trai của nhà vua, hoàng thái đệ, nói rằng: “Gã Ong Chiang Su này, nếu chúng ta để cho y đi mà không bắt lại, trong tương lai khi triều đại này qua rồi, thế nào y cũng gây rắc rối cho con cháu chúng ta, điều đó chắc chắn không còn ngờ gì nữa. Sở dĩ như thế vì Ong Chiang Su đã sống tại Bangkok mấy năm và biết được về cách thức làm việc của triều đình ta. Hiện nay tại Samutprakan không có chuyện gì đáng gờm như những kẻ thù từ mặt biển. Do đó nếu như Ong Chiang Su thay đổi ý kiến để sau này quay ra chống lại chúng ta thì đánh với y rất khó. Nếu bệ hạ không cho phép tôi đuổi theo Ong Chiang Su bây giờ thì xin bệ hạ cho tôi được xây một thành phố ở ngoài cửa biển.”

Nhà vua bằng lòng cho xây một chiến lũy tại vùng ngày nay gọi là Lat Ton-pho. Chiến lũy này xây chưa xong thì lại có chiến tranh với Miến Điện lần nữa.⁽⁴⁾

Việc chúa Nguyễn bỏ trốn khỏi Bangkok, sử triều Nguyễn viết như sau:

... Bởi thế vua quyết chí hồi loan, trước sau (sic) [sai?] Phạm Văn Nhân về Hòn Tre chính bị thuyền ghe để đợi. Vua lại nghĩ rằng nếu nói rõ cho họ biết thì họ hẳn lấy có lần trước giúp không thành công mà sẽ tìm lời ngăn đón, bèn nhân đêm viết thư tạ ơn để ở hành tại, rồi rước quốc mẫu và cung quyến xuống thuyền, vẫy quân chèo mau ra cửa biển Bắc Nôm. Đến tang tang sáng, vua thứ hai nước Xiêm biết, đi thuyền thoi nhẹ đuổi theo nhưng không kịp, phải trở về.

Thuyền vua đến Hòn Tre đậu lại. Cai cơ Trung cướp thuyền buôn Xiêm và giết hết mọi người. Vua sai chém, đưa thủ cấp sang Xiêm. Vua Xiêm sai người đến tạ.⁽⁵⁾

Theo nhiều tài liệu, chúa Nguyễn và thần tử tông vong đến được đảo Kut nhưng lâm vào tình trạng thiếu thốn lương thực. Ở trên hòn đảo hoang này, thực phẩm mà họ kiếm được chỉ có rùa và một số củ rừng. Theo sử Xiêm La, chúa Nguyễn được giúp đỡ trong một trường hợp khá hy hữu:

Một bữa nọ, ông [chúa Nguyễn] thấy một chiếc thuyền dong buồm đến gần hòn đảo. Ông hãi quá nên cùng gia đình chạy trốn vào trong rừng. Sau đó ông sai Ong Chuang đi một chiếc xuồng nhỏ chèo ra hỏi xem chiếc thuyền đó từ đâu đến. Một người Hoa tên là Hun, vốn có vợ người Việt tên là Amdaeng Tot, ở Chanthaburi, cho Ong Chuang hay là chiếc thuyền đó chở 30 kwian gạo⁽⁶⁾ từ Chanthaburi trên đường xuống Cà Mau (Ca-mao) và Rạch Giá (Teksia) để bán. Tuy nhiên vì bị bão nên trôi giạt đến đây.

Ong Chuang mới nói với người Tàu kia rằng Ong Chiang Su hiện đào thoát tới đây và yêu cầu y xuống thuyền để hội kiến với chúa Nguyễn. Người Hoa kia biết rằng y vốn dĩ lạc tới đây một mình, nếu như từ chối không gặp Ong Chiang Su thì ông ta thể nào cũng dùng võ lực và y không thể nào chạy thoát được. Chỉ bằng tốt hơn hết là làm như ủng hộ Ong Chiang Su. Vì thế y mới xuống chiếc xuồng nhỏ theo Ong Chuang vào gặp chúa Nguyễn.

Ong Chiang Su nói với y: “Bọn ta đã ở trên hòn đảo Kut này một thời gian và người của ta hiện nay không có gạo ăn. Thuyền của người chở gạo lạc tới đây thì hay lắm. Số tiền vua Xiêm cho ta và mẹ ta để dành được là 17 chang (?) và 10 tamlung (?). Ta muốn mua gạo theo giá mà người định.”

Người Tàu Hun kia đáp rằng: “Ngài ăn ở thiếu thốn đã lâu. Tôi xin hiến cho ngài toàn bộ 30 kwian gạo này mà không lấy gì cả.”

Ong Chiang Su bèn viết một biên nhận rồi đóng trên đó một con dấu có hình rồng đưa cho Hun. Tờ giao ước đó đề rằng nếu một khi Ong Chiang Su khôi phục được đất nước và trở thành vua nước Nam thì Hun cứ việc đến gặp ông để ông đền ơn về lòng tử tế này.

Ong Chiang Su sau đó ra lệnh cho bộ hạ dỡ hết số gạo trên thuyền của người Tàu và y từ biệt đi trở về Chanthaburi.

Ở Bangkok, khi nghe tin Ong Chiang Su đang trú ngụ tại đảo Kut, nhà vua ra lệnh cho vài chiếc thuyền tuần tra mang theo súng ống, đạn dược sẵn sàng bảo các quan chức ở Trat đem số thuyền bè vũ khí này tới đảo Kut tặng cho Ong Chiang Su để nhờ ông ta tiếp tay trong việc tiêu trừ nạn hải tặc...⁽⁷⁾

Nhờ sự trợ giúp ngầm của Xiêm La (thác danh tiêu trừ giặc bể), trong khoảng thời gian mấy tháng mùa thu năm 1787, từ một nhóm người lưu vong, lực lượng Nguyễn Ánh từ từ lớn mạnh để có thể bắt đầu đổ bộ lên những hòn đảo thuộc lãnh thổ Gia Định vào cuối năm đó.

b. Khôi phục Gia Định

Sau khi củng cố thực lực, chúa Nguyễn chiếm vùng Cà Mau làm căn cứ đóng quân. Một điểm đáng ngờ là vừa về đến nơi lập tức chúa Nguyễn giết Cai cơ Trung (là cậu của Châu Văn Tiếp) cất đầu bỏ vào một cái thùng đưa cho Phraya Rachasethi gửi về Bangkok lấy lý do là y đã cướp và giết thuyền buôn Xiêm.⁽⁸⁾ Theo một lá thư sau này của chúa Nguyễn viết cho trấn thủ Phrakhlung thì trong khi Nguyễn Ánh lưu vong, quân chúa Nguyễn như rắn mất đầu, Cai cơ Trung đi ăn cướp ngoài biển. Có lẽ khi nghe tin chủ cũ trở về, ông ta đến trình diện ở Hòn Tre và chúa Nguyễn sợ Xiêm La ngoảnh mặt với mình nên xuống tay với một thủ tục thân tín để lập công đầu như cái tiếng mà vua Xiêm đã ủy thác.

Cũng nhờ chiến thuyền và vũ khí người Xiêm giúp, chúa Nguyễn tương đối có uy thế hơn, đưa đến việc thu phục được một số tay anh chị từ Trung Hoa lưu lạc sang vùng Đông Nam Á và nhiều sứ quân đang cát cứ một vùng mà sau này các sử gia thường đồng hóa là đang ở bên Tây Sơn nay nghe tin chúa Nguyễn trở về nên xin quy thuận. Chúng ta nhận thấy có Nguyễn Văn Trương ở Long Xuyên, Nguyễn Văn Nghĩa ở Trà Ôn, Nguyễn Kế Nhuận ở Hồ Châu, Nguyễn Văn ở Ba Lai... Ngoài ra, còn nhiều nhóm thuộc tổ chức Thiên Địa Hội và cả thành phần bất hảo nay được gọi là “nghĩa quân”, các nhóm người Miên, người Mọi...

Sự phát triển tương đối nhanh của Nguyễn Ánh cũng có những lý do chủ quan từ phía đối phương. Trước khi ông trở về, tin tức từ trong nước đưa ra cho biết anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ đang có những xích mích trầm trọng. Nguyễn Huệ đem quân vây thành Quy Nhơn nhiều tháng liền, tấn công bằng đại bác đưa đến những thiệt hại nặng nề cho cả hai phía khiến Nguyễn Nhạc phải rút hết quân ở Gia Định về cứu Quy Nhơn.⁽⁹⁾ Tình hình đó khiến cho vùng Đồng Nai trở thành một khu vực “vô chính phủ” mạnh ai nấy sống, ngoại trừ một số ít binh sĩ cơ hữu đóng ở Sài Gòn do Phạm Văn Sâm (Tham) và Nguyễn Lữ chỉ huy.

Chúa Nguyễn sai người dò thám tình hình và được biết tại miệt Trà Vinh có một số lớn dân chúng sẵn lòng đi theo nên đã theo đường biển đi vào cửa biển Bassac (Hậu Giang).⁽¹⁰⁾

Tháng 9 năm Đinh Mùi (1787), chúa Nguyễn đến Cần Giuộc thì bị Nguyễn Lữ và Phạm Văn Sâm chặn lại tại Sài Gòn và Biên Hòa, hai bên cầm cự không bên nào thắng. Sử triều Nguyễn nhấn mạnh vào một kỳ mưu mà Nguyễn Ánh dùng để tạo ly gián giữa Nguyễn Lữ và Phạm Văn Sâm:

... Vua dùng kế để phá giặc. Nhân bắt được một chiếc thuyền mui vàng lớn của giặc và một tờ bằng sắc, lại dong thuyền bắt được Thị Lộc là vợ lẽ yêu của Hộ đốc Lý (không rõ họ), không giết mà đối xử hậu, rồi theo tự dạng ẩn triệu [triệu?] ở tờ bằng sắc ấy mà giả làm bức thư kín của Nguyễn Văn Nhạc nói Tham là người kiêu ngạo ngang ngược sai Lữ thiết kế giết đi, cho Thị Lộc cầm đến cáo với Tham. Tham xem thư sợ quá, tức thì giả kéo cờ trắng, rồi đem thủy quân thẳng tới Lạng Phụ. Lữ trông thấy cờ trắng, ngỡ là Tham đã đầu hàng, bèn chạy về Quy Nhơn, rồi chết. Tham lại đóng giữ Sài Gòn.⁽¹¹⁾

Cũng việc này, các nhà truyền giáo chép khác hơn nhưng lại có những điểm gần thực tế. Khi anh em Tây Sơn đánh lẫn nhau, đất Gia Định gần như bỏ trống, Phạm Văn Sâm thấy Nguyễn Lữ đơn bạc nên cũng có ý tự lập. Chính vì vậy Nguyễn Nhạc đã viết thư để nhắc em trừ trước cho khỏi hậu họa. Lá thư đó lọt vào tay chúa Nguyễn, chúa Nguyễn nhân cơ hội dụ hàng Phạm Văn Sâm nhưng không thành công. Họ Phạm đem quân tiêu diệt Nguyễn Ánh trước rồi đánh Nguyễn Lữ sau. Nguyễn Lữ thua bỏ chạy về Quy Nhơn, ít lâu sau chết vì bệnh.⁽¹²⁾

Tuy sử triều Nguyễn chép rất nhiều thắng lợi hầu như khắp nơi của các nhóm thuộc Nguyễn Ánh, nhưng khi bị Phạm Văn Sâm đánh chúa Nguyễn phải chạy xuống Mỹ Tho, trốn trong cù lao Dung (Dong) [tên chữ là Hổ Châu] một cồn đất trên sông Hậu Giang [giữa cửa Ba Thắc và cửa Cha Vang] và “*thu hợp tướng sĩ hơn 300 người, chiến thuyền hơn 20 chiếc*”. Số quân ít ỏi đó không đáng vào đâu nên chúa Nguyễn phải nhờ một người Việt gốc Miên là Nguyễn Văn Tồn [trước đây ông này đã theo sang Bangkok] “*chiêu tập dân Phiên hai xứ Trà Vinh và Môn Thít được vài nghìn người, biên bổ làm lính, gọi là đồn Xiêm binh, cho Tồn làm Thuộc nội cai đội để cai quản*.”⁽¹³⁾ Nếu đúng như thế, vào khoảng tháng 9 năm Đinh Mùi (1787), tình hình rất là nguy ngập và những điều mà ngoại sử chép là “*vua phải thua, mất hết mọi sự và phải trốn kiếm nơi ẩn mình*” có phần đáng tin.

Nhưng rồi tình hình ở miền Nam càng lúc càng thuận lợi hơn cho chúa Nguyễn. Phạm Văn Sâm phải đơn độc và tự lực chiến đấu nên suy yếu dần, lại thêm có những tin đồn - có thể từ những thừa sai và giáo dân loan ra - là thầy Cả Pigneau de Béhaine sắp sửa về đem theo nhiều tàu bè, khí giới giúp Nguyễn Ánh.

Tuy nhiên, cục diện cũng rất bất bèn nhất là sau khi anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ đã giảng hòa, có thể đem quân trở lại Gia Định bất cứ lúc nào. Tháng 9 năm Mậu Thân (1788), viên trấn thủ Xiêm La ở Phrakhleng nhận được một lá thư từ chúa Nguyễn như sau:

... Tôi lưu vong đến nhờ hoàng thượng che chở. Ngài đối đãi với tôi rất tử tế. Ngài đưa quân sang đánh để lấy lại nước giúp tôi. Tuy vậy, việc đó không thành vì Xiêm La cũng bận việc chiến tranh với Miến Điện. Tôi chịu ơn nhà vua rất nhiều và chuyện đó tất cả mọi thuộc bang đều biết rõ.

Tôi đã nhận được thư từ vua xứ Bắc Hà, từ những người đã theo tôi hay làm bày tôi của ông nội tôi, của cha tôi. Tất cả ai ai cũng hối thúc tôi tìm phương thức quay về lấy lại nước. Tôi đã định xin phép của hoàng thượng, nhưng lại sợ ngài không cho tôi đi. Thành thử tôi đành viết một lá thư trần tình mọi việc và xin ngài để tôi trở về. Tôi đặt lá thư đó trên bàn thờ rồi bí mật gửi biệt.

Tôi tìm ra rằng một số người Việt trước đây từng chống lại nhà Tây Sơn nay không có ai lãnh đạo nên đã trở thành giặc biển cướp bóc trên đại dương.⁽¹⁴⁾ Tôi thu phục nhưng một số không thể tha thứ hành vi bạo ngược của chúng được nên đã chém đầu một tên và nhờ trấn thủ Banteay Meas [Hà Tiên] đem gửi thủ cấp về Bangkok một lần trước.

Nhân dịp này, tôi nhờ Kai Dao đem theo và trả lại huy hiệu của quan chức (regalia of rank) mà nhà vua đã ban cho bao gồm: một thanh kiếm có cán bằng

vàng, một bình nước bằng vàng, một khay trầu bằng vàng. Tôi cũng xin nhà vua cho phép tôi được giữ các tàu tuần, súng, đạn và thuốc súng mà nhà vua đã giao cho tôi để tuần tiễu mặt biển cùng thực hiện chiến dịch đánh Tây Sơn. Tôi sẽ giao hoàn lại nhà vua khi chiến dịch hoàn tất.⁽¹⁵⁾

Trong khi chúa Nguyễn cùng bộ hạ còn đang mưu tính chuyện lấy Gia Định thì một cận thần là Huỳnh Tường Đức (Nguyễn Huỳnh Đức), gốc người Hoa, trước bị Tây Sơn bắt nay trốn được sang Xiêm để tìm chủ. Vua Xiêm hay tin liền bắt cả bọn đày lên Ban Bangpho (bắc Thái) để không thể trốn về Đồng Nai bằng đường thủy. Hạ tuần tháng 7 năm Mậu Thân (1788), chúa Nguyễn viết thư tạ ơn vua Xiêm, nội dung như sau:

Kai Dao đã đem về cho tôi những tặng phẩm của hoàng thượng. Chuyến đi của y rất dài và gian nan, đi cũng như về. Tôi rất vui lòng khi nhận được những món quà này. Hiện nay, quân Tây Sơn và các cấp chỉ huy, binh lính đang hết sức rối loạn. Rất đông bọn chúng đã chạy theo tôi. Tôi có nghe nói Ong Ho Tuang Duk (Huỳnh Tường Đức) và Ong Thong Yung Yan (?), cả hai đều là thân tử của tôi, trước đây bị Tây Sơn bắt, nay đã trốn khỏi chạy sang Bangkok. Ong Ho Tuang Duk và Ong Thong Yung Yan đều tinh thông chiến trận. Tôi cầu xin bệ hạ thả họ về với tôi để họ giúp tôi trong việc đánh quân Tây Sơn. Ngoài ra, số lượng thuốc súng và đạn của tôi cũng thiếu. Tôi xin bệ hạ ban cho một số súng, thuốc nổ và đạn để Ong Ho Tuang Duk và Ong Thong Yung Yan đem về cho tôi.⁽¹⁶⁾

Nhận được thư này, vua Xiêm đã giao cho hai người (Ho Tuang Duk và Thong Yung Yan) mỗi người một chiến thuyền với súng ống, đạn dược để đem về cho chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn nhận được món quà nhỏ này chắc cũng hiểu rằng nếu chỉ tiếp tục vai trò đồng minh dựa vào quen biết cũ thì Xiêm La sẽ chỉ giúp đỡ một cách tượng trưng. Cũng có thể vua Xiêm muốn nhắc Nguyễn Ánh về giao ước trước đây khi ông bỏ trốn. Ông cũng không còn đủ thời gian để xây dựng lực lượng theo lối bình thường mà phải giải quyết vấn đề càng nhanh càng tốt. Trong tình hình có thể bị lật ngược bất cứ lúc nào, chúa Nguyễn bằng lòng thần phục Xiêm La trong tư cách thượng quốc - hạ quốc, vừa nhờ cậy trước mắt, vừa là nơi dung thân một khi thất thế.

c. Đồng minh hay hạ quốc?

1. Triều cống cây vàng bạc lần thứ nhất

Trên thực tế, mặc dầu đã thu phục được hầu hết cõi Gia Định, lực lượng của Nguyễn Ánh vẫn không đáng kể so với lực lượng Tây Sơn. Nếu như Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ tiến quân vào Sài Gòn thì nếu không bị bắt hay bị giết, chắc chắn chúa Nguyễn sẽ phải bôn tẩu một lần nữa.

Chính vì thế, Nguyễn Ánh vẫn nơm nớp lo sợ quân Đàng Ngoài nhất là vào cuối thế kỷ XVIII, miền Nam Việt Nam vẫn còn là một khu vực hoang sơ, dân chúng sống rải rác dọc theo hai bên bờ kênh rạch rất khó tổ chức được một đội ngũ binh sĩ đủ sức ứng chiến theo quy mô lớn. Tuy mấy năm trước, chúa Nguyễn đã làm một việc phiêu lưu gần như rất ít hy vọng là nhờ giám mục Bá Đa Lộc đem hoàng tử Cảnh đi cầu viện nước Pháp, nhưng trong mấy năm qua, bóng chim tăm cá chưa có gì chắc chắn, nước xa làm sao cứu được lửa gần. Sử Xiêm La chép:

Vào ngày 13 của hạ tuần tháng 10 (tính ra là 27 tháng 9 DL), năm con khỉ [Mậu Thân, 1788],... Ông Chiang Su gửi đến [triều đình Xiêm La] một lá thư. Trong thư đó, Ông Chiang Su cho hay vào ngày thứ 6 của hạ tuần tháng 10 [20-9 DL] đã lấy được Sài Gòn, Lokkanai [Đồng Nai ?] và Bà Rịa.

Đến tháng 12 năm đó, Ông Chiang Su nhớ lại ân tình mà vua Xiêm đã dành cho ông, nên sai thợ thực hiện một cây bằng bạc và một cây bằng vàng, cả hai đều rất cầu kỳ. Hai cái cây này đặt trong bình cao 20 niu [42 cm]⁽¹⁷⁾ được chuẩn bị để Ông Bo Ho (có lẽ là quan coi về việc hộ) đem tới cho nhà vua. Nhà vua ra lệnh nhận những cây này và đem để thờ tại tháp Phrachao. Có kèm theo là một lá thư nói rằng Ai Chiang Sam [tức Phạm Văn Sâm], viên trấn thủ Sài Gòn, đã bỏ chạy sang khu vực Bassac. Ông Chiang Su xin hỏi mượn 30 chiến thuyền, với đầy đủ súng ống trước và sau, cùng trang bị đạn dược. Ông ta cũng hỏi cho Chaophraya Aphaiphubet ở Cambodia đem một đạo quân 3.000 người khỏe mạnh, tất cả đều cắt tóc theo kiểu Thái, để giúp ông ta trong việc đánh vào Bassac bắt Ai Chiang Sam.

Nhà vua [Xiêm] cho phép Ông Bo Ho, Ông Ho Tuang Duk, và Ông Kai Chat đi lựa những chiến thuyền nào họ muốn nhưng hầu hết đều cần phải sửa chữa. Họ chỉ kiếm được có 5 chiếc trong tình trạng tốt. Nhà vua bèn cho họ những thuyền này, cùng với 70 súng nokphrong, thuốc súng và đạn để trang bị cho các thuyền đó. Một dụ chỉ có đóng dấu cũng được gửi cho Chaophraya Aphaiphubet ra lệnh cho ông ta tập hợp binh sĩ người Cambodia đi giúp Ông Chiang Su.

Chaophraya Aphaiphubet đến mặt trận kịp thời cùng với Ông Chiang Su. Họ vây Bassac, và Ai Chiang Sam đành phải ra hàng Ông Chiang Su. Ông Chiang Su đặt Phraya Chakkri (Kaep), một người Miên, cai trị Bassac như một vùng đất thuộc về Cambodia. Chaophraya Aphaiphubet khi đó mới rút quân về Cambodia.⁽¹⁸⁾

Theo sử triều Nguyễn thì số lượng vũ khí Huỳnh Tường Đức mang về gồm có “50 chiến thuyền cùng lưu hoàng, diêm tiêu, súng ống”⁽¹⁹⁾ nhưng sử Xiêm La chỉ viết là 5 chiếc và 70 khẩu súng mà thôi. Chúa Nguyễn cũng tiến hành chiến tranh tâm lý, phao tin là ông sắp có súng ống và tàu bè của Pháp sang giúp khiến địch quân nao núng và đó cũng là một yếu tố quan trọng trong việc đánh bại Phạm Văn Sâm. Sâm chạy trốn không kịp phải ra hàng nhưng được ít lâu cũng bị giết.⁽²⁰⁾

Đây là một bước ngoặt lớn đối với sự hồi phục của lực lượng nhà Nguyễn. Điểm đáng để ý là việc Nguyễn Ánh tiêu diệt được Phạm Văn Sâm không đơn thuần bằng lực lượng bản xứ mà có sự tiếp tay của Xiêm La thông qua một thuộc quốc của họ là Chân Lạp. Ngược lại, Phạm Văn Sâm cũng trông cậy vào người Miên đang ở Trà Vinh, Ba Thắc. Liên minh Xiêm La, Cao Miên và Việt Nam chính là điều kiện mà chúa Nguyễn chấp nhận để đánh đổi sự hạ mình khi gửi cây vàng bạc qua thần phục Bangkok.

Với những viện trợ mới, lực lượng của Nguyễn Ánh tăng hẳn lên. Cuối thế kỷ XVIII, Xiêm La đã tiến bộ nhiều trong việc tổ chức và trang bị cho quân đội và từ thế yếu so với Miến Điện, đến nay họ không những đủ sức tự vệ mà còn tạo nhiều chiến thắng, mở mang biên giới thêm một vùng rộng lớn ở bắc Thái.

Khi tình hình miền Nam tạm yên, chúa Nguyễn gấp rút củng cố lực lượng, xây dựng thành trì và chỉnh đốn lại việc cai trị. Sử triều Nguyễn chép khá kỹ về tổ chức chính quyền trong giai đoạn này kể cả các loại thuế má, chính sách trị an và tổ chức quân đội. Thật may cho Nguyễn Ánh, trong suốt mấy năm liền, từ 1788 đến 1792, Nguyễn Huệ đã quá bận rộn với công việc chinh phục, chiến đấu ở Đàng Ngoài, và giao hiếu với nhà Thanh nên không có thì giờ nhìn lại đất Gia Định. Nhân cơ hội đó, chúa Nguyễn không những hồi sinh được chính quyền mà còn đạt được những thành quả mới đủ sức đối phó với anh em Tây Sơn.

Tháng 5 năm Kỷ Dậu (1789), Xiêm La bị mất mùa vì hạn hán nên chúa Nguyễn đã gửi tặng cho họ 8.800 phươg gạo, tương đương với 200 xe (oxcarts) theo lời yêu cầu chính thức của Xiêm do một Thượng thư gửi sang.⁽²¹⁾

2. Giám mục Bá Đa Lộc trở về

Dù cho người Xiêm La là nguồn hỗ trợ chính yếu giúp chúa Nguyễn khôi phục được Gia Định nhưng nếu không có lực lượng Tây phương của giám mục Bá Đa Lộc thì Nguyễn Ánh chắc chỉ đủ sức làm chủ mấy tỉnh miền Nam mà khó có thể tiến ra chinh phục Quy Nhơn, Huế hay Thăng Long.

Ngày mồng 7 tháng 6 năm Kỷ Dậu (tức 28/7/1789), giám mục Bá Đa Lộc và hoàng tử Cảnh cập bến Sài Gòn. Trong có số những người Pháp đi cùng chúng ta thấy có:

- J.B. Chaigneau, thuyền trưởng tàu Long phi.⁽²²⁾
- De Forçant, thuyền trưởng tàu Bằng phi.
- Phillippe Vannier, thuyền trưởng tàu Bồng Thước, sau đó là tàu Đồng Nai và tàu Phụng.
- Jean-Marie Dayot, chỉ huy một đội chiến thuyền.
- Victor Ollivier, sĩ quan cơ khí, trông coi tổ chức bộ binh, pháo binh và đồn lũy.
- Théodore Le Brun, kỹ sư, trông coi việc xây thành.
- Laurent Barisy, trung tá.
- Julien Girard de l'Isle-Sellé, đại úy hải quân.
- J.M. Despiaux, ngự y cho chúa Nguyễn.
- Louis Guillon, trung úy hải quân.
- Jean Guilloux, trung úy hải quân.⁽²³⁾

Nhờ sự có mặt của nhiều chuyên viên Tây phương mang theo những kiến thức mới về kỹ thuật quốc phòng nhất là tổ chức quân đội, cải tiến kỹ thuật, khí giới, hải quân, phòng thủ, chúa Nguyễn đã chuyển từ thế thủ sang thế công mặc dầu sử gia Việt Nam thường cố tình không đề cập đến những giá trị đó.

3. Triều cống cây vàng bạc lần thứ hai

Sự có mặt của một số chiến thuyền và sĩ quan Pháp tuy có thổi vào lực lượng chúa Nguyễn một luồng sinh khí mới nhưng chúa Nguyễn cũng biết rằng người Pháp không bị ràng buộc gì cả và cũng không có nhiệm vụ phải giúp đỡ ông như hiệp ước Versailles 1787 quy định.

Trong tình trạng mà chính nước Pháp cũng có những vấn đề riêng phải lo, việc thi hành hiệp ước Versailles không những không có lợi mà càng khó khăn hơn nếu như Xiêm La đang từ bạn trở nên thù vì chúa Nguyễn phản bội lại điều kiện quan trọng nhất trong giao ước thần phục là tự tiện giao thiệp với người

ngoài. Chính vì thế, Nguyễn Ánh đã thực hiện một đường lối tương đối khôn khéo. Một mặt ông viết thư cảm ơn Pháp hoàng⁽²⁴⁾ nhưng cũng minh định là hiệp ước Versailles không có hiệu lực đồng thời triều cống cây vàng bạc cho Bangkok lần thứ hai để minh xác rằng ông chỉ có một đồng minh là Xiêm La mà thôi.

Tháng 8 năm Kỷ Dậu, Phraya Phrakhleng gửi cho Nguyễn Ánh một lá thư cho hay nếu chúa Nguyễn cần trợ giúp về quân sự thì Xiêm La sẵn sàng giúp. Lá thư đó cũng thử lòng Nguyễn Ánh bằng cách nói rằng đường bộ xa xôi, vận chuyển bất tiện, tốt hơn hết là dùng đường biển nhưng vì Xiêm La không có nhiều thuyền bè nên không chở được nhiều. Vì thế, nếu khi nào không có chiến tranh, chúa Nguyễn hãy đóng sáu, bảy chục đại thuyền (kulai), và một thuyền ngự đẹp để cho vua dùng rồi gửi sang Bangkok.

Yêu cầu này không thấy ghi trong sử nước ta, và sử Xiêm La cũng không thấy đề cập đến phản ứng hay hồi âm của chúa Nguyễn như thế nào. Vào thời điểm này, giám mục Bá Đa Lộc và tàu bè Tây phương vừa từ Pondichéry tới nơi nên chúng ta có thể nghĩ rằng Xiêm La biết tin đó nên muốn thử xem sự gắn bó giữa ông và Xiêm La có còn không? Đó là lý do tại sao lá thư lại do một cấp chỉ huy địa phương gửi đến chúa Nguyễn thay vì là một đề nghị chính thức từ vua Xiêm.

Trong 4 tháng sau đó, chúa Nguyễn không công khai từ chối yêu sách quá đáng của Xiêm La nhưng cũng chưa đủ sức để phản bác đề nghị đó. Ông chỉ tập trung vào việc củng cố và xây dựng lực lượng, bao gồm nhiều cải cách theo các đề nghị của những người Pháp đang giúp ông. Tuy ít học nhưng với kinh nghiệm và đầu óc sắc bén, Nguyễn Ánh đã bắt ngay được cơ hội để hoàn toàn áp dụng khuôn mẫu Tây phương ngõ hầu rút ngắn thời gian.

Một dịp may hiếm có giúp Nguyễn Ánh đánh tan được mối hoài nghi từ Xiêm La. Cuối năm Kỷ Dậu (1789), một thuộc quốc của Xiêm La ở bán đảo Mã Lai là Tani có ý định chống lại Bangkok vì chính sách hà khắc của họ. Tiểu vương Tani (Raja of Tani) đã sai một sứ giả tên là Nakkudasung đến Gia Định yết kiến chúa Nguyễn mang hai khẩu súng khamthong và hai thanh gươm cán vàng đệ trình một quốc thư yêu cầu Nguyễn Ánh đưa một đạo quân đường thủy giúp họ tấn công Bangkok. Sử triều Nguyễn chép:

... Nước Tà Ni (biệt danh nước Chà Và), sai sứ hiến sản vật địa phương và xin quân giúp đánh Xiêm La.

Vua cho rằng nước ta cùng nước Xiêm tình nghĩa láng giềng vốn hậu, nên khước từ phẩm vật mà bảo vệ, nhân viết thư báo cho nước Xiêm, người Xiêm cảm tạ.⁽²⁵⁾

Sử Xiêm La chép rõ là chúa Nguyễn kèm bức thư của tiểu vương Tani để cho Phraya Phimonwari và Phra Ratchamontri trình lên vua Xiêm nhưng không bắt giam sứ giả theo truyền thống của người Việt. Chính nhờ sự thông báo kịp thời của chúa Nguyễn nên vua Xiêm đã sai người đem quân tấn công Tani trước, bắt tiểu vương Tani về giam chung thân.⁽²⁶⁾

Tuy bang giao Xiêm - Việt có vẻ đầm ấm nhưng không phải vì thế mà không có những thay đổi quan trọng. Trong sử nước ta, Nguyễn Ánh đã xưng vương từ năm Canh Tý (1780) nhưng vương tước đó cũng chỉ sử dụng có tính cách nội bộ hay ngoại giao. Người Xiêm La vẫn gọi ông là Ong Chiang Su (Ông Chiềng Sử, phiên âm của Thượng Sư). Kể từ năm Canh Tuất (1790), chúa Nguyễn mới

chính thức dùng danh hiệu vua nước An Nam (Chao Anam Kok) để giao thiệp và sai Ong Bo Ho, Ong Bet Luang, Ong Doi Wian đem cây vàng bạc và quà bao gồm “*một bộ đèn treo, một bộ chân nến, một cặp gương và một mẫu hình chiếc ngư thuyền mà Ong Chiang Su đang định kiến tạo để tặng vua Xiêm*”.⁽²⁷⁾

Những món quà mà chúa Nguyễn tặng vua Xiêm dường như không phải sản vật của miền Nam mà là những hàng hoá của Âu châu, cốt để chứng tỏ một điều nước An Nam ngày nay có những tương quan rộng lớn hơn, tuy vẫn chấp nhận một vị trí thấp nhưng không hoàn toàn lệ thuộc vào Xiêm La như trước nữa. Nguyễn Ánh muốn xác định tư cách đó nên cũng gửi cho Phraya Phrakhlung một lá thư cho hay “*Sài Gòn bị hạn hán, mùa màng thất bát nên có thuyền nào của Xiêm sang buôn bán thì nên mang theo gạo thóc vì người dân đang cần để tiếp tục chiến đấu*.”⁽²⁸⁾ Có lẽ chúa Nguyễn muốn trả đũa khi một viên Thượng thư Xiêm La nửa yêu cầu, nửa ra lệnh cho ông gửi gạo cứu trợ vào năm trước.

Trước khi phái đoàn của chúa Nguyễn sang Xiêm không lâu, một cuộc đụng độ ở Vientiane (Lào) đã khiến cho tình hình bang giao của Đàng Ngoài và Xiêm La thêm u ám. Nguyên từ sau chiến thắng quân Thanh, tình hình bang giao Thanh - Việt đã có lúc căng thẳng đến mức Nguyễn Huệ phải chuẩn bị một cuộc đối đầu lần thứ hai.⁽²⁹⁾ Tuy nhiên sau khi hai bên thông hiếu, vua Quang Trung nhận được bảo đảm của vua Càn Long không tiếp tục giúp đỡ Lê Duy Kỳ nên ông đã có thể mạnh tay hơn với dư đảng Lê - Trịnh ở miền Bắc.

Những cuộc truy quét của Tây Sơn đã khiến cho tàn quân nhà Lê, đứng đầu là hoàng đệ Lê Duy Chỉ phải chạy sang khu vực rừng núi phía tây, liên minh với các bộ tộc ở Bắc Lào để tìm đường khôi phục. Trong khi Nguyễn Huệ bận rộn với việc cầu phong và các phái đoàn hữu nghị của Nguyễn Quang Hiến năm 1789 và đích thân ông sang Bắc Kinh năm 1790, việc đánh dẹp trong nước được giao lại cho các tướng lãnh thân tín, chủ chốt là Trần Quang Diệu lúc ấy là trấn thủ Nghệ An.

Sử nước ta chép tương đối giản lược về những chiến dịch của Tây Sơn đánh với liên quân nhà Lê và Lào⁽³⁰⁾ nhưng cũng đưa ra một số chi tiết về việc Trần Quang Diệu đánh sang Lào năm 1790 là thời gian vua Quang Trung vắng mặt. Theo sử Xiêm La thì:

... Vua Sisattanakhanahut tại Vientiane đã gửi một báo cáo nói rằng Ong Long Yuang, Ong Duk, và Ong Aem [Ông Long Nương tức Nguyễn Huệ, Ông Thái Đức tức Nguyễn Nhạc, Ông Em tức Nguyễn Lữ] đã chỉ định Ong Chiang Ba [Trần Quang Diệu?] và Ong Chiang Wian [Nguyễn Văn Uyên?] cầm đầu một đạo quân Tây Sơn ba nghìn người. Đoàn quân này kết hợp với ba nghìn quân Lào ở Phuan, tổng cộng là sáu nghìn, tiến vào đất Lào. Vua Vientiane điều động một đội quân Lào để ngăn chặn quân Việt, hai bên đụng độ tại Phuan. Quân Lào đánh bại quân Việt từ Đàng Ngoài khiến họ phải tan tác, nhiều người bị giết. Họ tịch thu được một số lớn súng ống và vũ khí. Họ cũng bắt được một số người Lào làm tù binh, trong số đó có Nai Phu-thahan, Nai Thong và Nai Pan. Ba người này và ba mươi binh sĩ được gửi sang Bangkok.

Vua [Xiêm La] ra lệnh giao Nai Phu-thahan, Nai Thong, Nai Pan và ba mươi người lính Việt có tên tuổi cho Ong Bo Ho, Ong Bet Luang, và Ong Doi

Wian để họ hỏi cung và lấy tin tức từ các tù nhân ngô hầu báo về cho vua nước An Nam.⁽³¹⁾

Trong khi đó, sử Việt Nam đề cập đến việc này có khác hơn. Trần Quang Diệu và Nguyễn Văn Uyên đem 5.000 quân theo đường thượng đạo đánh đuổi, bắt được hai thủ lĩnh Lào là Chiêu Kiêu, Chiêu Nan, đuổi vua nước Vạn Tượng đến tận biên giới Xiêm La. Lê Duy Chỉ, Nùng Phúc Tấn, Hoàng Văn Đồng đều bị bắt và bị giết.⁽³²⁾

(Con nĩa)

N D C

CHÚ THÍCH

- (1) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục (ĐNTL)*, Tập một, Đệ nhất kỷ, quyển III, tr. 227 chép: "... Người nước Bút Tu Kê (Portugal) là Áng Tôn Nui đưa quốc thư cùng vài tây, sủng tay đến hành tại để dâng, nói rằng hoàng cả Cảnh cầu nước ấy giúp quân, hiện đã có 56 chiếc thuyền tại thành Cô A (Goa) để giúp. Lại đem lễ vật biếu vua Xiêm, và xin đón vua [Nguyễn Ánh] sang nước mình. Vua Xiêm thấy y giúp quân cho ta, rất không bằng lòng. Vua bảo kín Áng Tôn Nui hãy về."
- (2) Klaus Wenk, *The Restoration of Thailand Under Rama I*, tr. 112.
- (3) Nguyên văn *prince heir apparent*, tức là đệ nhị vương (Maha Uparat) và cũng là người sẽ thừa kế ngai vàng sau khi vua Chakri qua đời (tuy nhiên, ông này chết trước vua anh).
- (4) *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I], tr. 120-5.
- (5) Việc chúa Nguyễn và những bầy tôi của ông chạy thoát đến được đảo Kut (ta gọi là Cổ Cốt) sử nước ta chép rất giản lược: "... Thuyền vua đến đảo Cổ Cốt. Người Thanh là Hà Hỷ Văn (người đảng Bạch Liên Giáo ở Tứ Xuyên nước Thanh, tự xưng là Thiên Địa Hội, cướp bóc ở miền Mân Việt), đem binh thuyền về theo. Hỷ Văn đầu ở đảo Côn Lôn, ý muốn theo về giúp." ĐNTL, Tập một, Đệ nhất kỷ, quyển III, tr. 228.
- (6) Theo Klaus Wenk thì 1 kwian là một xe trâu (oxcart), mỗi xe tính ra bằng 44 phượng gạo. Tài liệu của Thái thì viết 1 kwian là 100 tang hay 2000 lít. Tuy nhiên cũng có thể đây là phiên âm của quan (tiền).
- (7) *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I], tr. 135-7.
- (8) "...Thuyền vua đến Hòn Tre đậu lại. Cai cơ Trung cướp thuyền buôn Xiêm và giết hết mọi người. Vua sai chém, đưa thủ cấp sang Xiêm. Vua Xiêm sai người đến tạ". ĐNTL, Tập một, Đệ nhất kỷ, quyển III, tr. 228.
- (9) ĐNTL, Tập một, Đệ nhất kỷ, quyển III, tr. 227.
- (10) Hiện nay, triều đình Thái Lan còn giữ được một bản đồ vẽ rất chi tiết khu vực gọi là Muang Phrathaphang mà họ tìm ra chính là vùng Trà Vinh (Việt) hay Preah Trapeang (Miền) ngày nay. Cửa biển Bassac ta gọi là cửa Tranh Đề (hay cửa Định An). Xem *Royal Siam Maps*, tr. 106-7.
- (11) ĐNTL, Tập một, Đệ nhất kỷ, quyển III, tr. 229.
- (12) ... Khi vua đến Cửa Đại trong Đồng Nai, thì tình cờ gặp chiếc tàu lớn vua Thái Đức ở Quy Nhơn dạy đem thư cho em, là Trùng (Đông) Định Vương, ở trong Đồng Nai.
Chúa tàu ấy chẳng ngờ vua An Nam ở gần thế ấy, nên chẳng có ý tứ giữ tàu là bao nhiêu. Vua bắt đặt tàu, và giết hết quan quân ở trong ấy. Trong các đồ bắt đặt, thì có thư ông Thái Đức gởi mà bảo em, là Trùng Định Vương, phải chém ông Bảo Tham cho chóng. Mà ông Thái bảo Tham ấy là quan đại thần có danh tiếng trong cả và nước, vì rất khôn ngoan, cùng coi các cơ đội ông Trùng Định Vương, và giúp nhiều đến [điều] lắm. Song le bởi đã bị cáo đều nặng, cho nên ông Thái Đức hồ nghi cho ông ấy, mà có ý giết đi. Ông ấy có thân thế và quân lính phục ông ấy lắm, nên ông Thái Đức chẳng dám bắt tội tử tù, một có ý bảo em tính làm vậy cho kín mà thôi.
Vua Nguyễn Ánh thấy thư ấy thì mừng lắm, cùng vội vàng gởi cho ông ấy, vì ngờ rằng: ví bằng ông ấy biết tỏ ông Định Vương có ý giết mình, thì sẽ bỏ Tây Sơn và sẽ dễ dàng ông ấy theo giúp mình. Song vua đã lắm, vì chứng quan Bảo Tham có ý làm nguy với ông Trùng Định Vương cho đặt làm vua trong Đồng Nai. Nhơn vì sự ấy chẳng những là chẳng chịu phục vua Nguyễn Ánh, lại đem quân đến đánh khi xuất kỳ bất ý; cho nên vua phải thua, mất hết mọi sự và phải trốn kiếm nơi ẩn mình. Bởi vậy khi Đức Thủy Vêrô đem tàu Tây đến, thì chẳng gặp vua. Còn ông Bảo Tham khi đánh vua rồi, thì lại đem quân đánh ông Trùng Định Vương; ông ấy cũng phải thua, thì trốn về Quy Nhơn xin

anh là ông Thái Đức cứu; song chẳng kịp, vì Trùng Định Vương đến Quy Nhơn, qua một tháng phải bịnh nặng mà chết...” *Sử ký Đại Nam Việt*, tr. 51-2.

- (13) *ĐNTL*, Tập một, Đệ nhất kỷ, quyển III, tr. 230.
- (14) Theo sự suy đoán của chúng tôi, đây chính là nói đến Cai cơ Trung, cậu của Châu Văn Tiếp. Ông này bị giết ngay khi chúa Nguyễn trở về, vừa để thị uy, vừa lập công với Xiêm La hầu chuộc lại những thái độ thù nghịch nảy sinh khi Nguyễn Ánh bỏ trốn.
- (15) *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I], tr. 138-9. Theo suy đoán của người viết, việc chúa Nguyễn trả lại những phẩm phục này cốt để minh xác ông không còn là một quan chức của Xiêm mà là vua của một nước, dù vai trò vẫn bằng lòng như một hạ quốc của Xiêm La.
- (16) *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I], tr. 149.
- (17) Theo Klaus Wenk thì cây vàng bạc này cao khoảng 42cm, như vậy một niu chừng 2 phân. *The Restoration of Thailand under Rama I (1782-1809)*, 1968, tr. 114.
- (18) *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I], tr. 151-2.
- (19) *ĐNTL*, Tập một, Đệ nhất kỷ, quyển IV, tr. 242-3.
- (20) “... Qua một ít ngày, vua thân các binh sĩ mà đem sang bên Cao Mên cho được đánh ông Bảo Tham và ông Ốc Nhà Sốt. Khi đầu, thì giáp trận riêng với quân Cao Mên mà được trận, lại quan Ốc Nhà Sốt bị tử trận. Đến sau lại giáp trận với ông Bảo Tham [Phạm Văn Sâm]; vừa giáp trận rồi thì quân Cao Mên liền trốn đi hết; nên ông Bảo Tham phải thua, mà xuống tàu trốn đi. Ông ấy có ý theo rạch mà ra biển; đoạn thì ẩn mình trong các còi xung quanh hay là ra ngoài Huế. Chẳng hay ông ấy ra rạch, chẳng khỏi bao lâu, phải tay quân vua bắt đặng. Ông ấy mang gông mà chịu hàng, lại đến xin phục tội với vua.
Vua biết tỏ tường ông ấy khôn ngoan, thì đã tha mọi tội cùng trả các chức lại cho. Nhưng mà qua ít lâu, ông ấy cử tính nghịch, mà toan làm ngụy lại, thì vua truyền chém đi”. *Sử ký Đại Nam Việt*, tr. 53.
- (21) *ĐNTL*, Tập một, Đệ nhất kỷ, quyển IV, tr. 245 và *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I] tr. 164.
- (22) Theo Charles B. Maybon trong *Histoire Moderne Du Pays d'Annam, 1592-1820*, tr. 287 thì Chaigneau mãi 1794 mới đến Đà Nẵng.
- (23) P.J.B. Trương Vĩnh Ký, *Cours d'histoire Annamite à l'usage des écoles de la Basse-Cochinchine*, 1875, tr. 226.
- (24) Bản dịch lá thư này được đăng trong văn khố của Bộ Ngoại giao Pháp về Á châu và trích lại trong Taboulet, *La Geste Française en Indochine*, Tome I, 1955, tr. 214-5.
- (25) *ĐNTL*, Tập một, Đệ nhất kỷ, quyển IV, tr. 253.
- (26) *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I], tr. 168.
- (27) *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I], tr. 169.
- (28) *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I], tr. 169.
- (29) *ĐNTL*, Tập một, Đệ nhất kỷ, quyển IV, tr. 247, có chép: “Sau nghe tin giặc Tây Sơn Nguyễn Văn Huệ ở Thuận Hóa đóng nhiều chiến hạm, mưu đánh phương Nam, lại không cử binh nữa”. Thực ra việc này không phải để chuẩn bị đánh Nguyễn Ánh mà là để phòng việc quân Thanh sang đánh một lần nữa sau chiến bại đầu năm Kỷ Dậu (1789).
- (30) Lào để chỉ chung mọi sắc dân sống trong lãnh thổ phía tây Việt Nam.
- (31) *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I], tr. 169-70.
- (32) *Đại Nam chính biên liệt truyện*, quyển XXX, tr. 39b, 40a.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Barow, John. *A Voyage To Cochinchina*. Kuala Lumpur: Oxford University Press, 1975 (in theo lối chụp ảnh nguyên bản năm 1806).
2. Chakrabongse, Chula. *Lords Of Life: A History Of The Kings Of Thailand* (2nd Ed). London: Alvin Redman, 1967.
3. Durand, Maurice. *Histoire des Tây Sơn*. Paris: Les Indes Savantes, 2006.
4. Dutton, George. *The Tây Sơn Uprising - Society and Rebellion in Eighteenth-Century Vietnam*. Honolulu: University of Hawai'i Press, 2006.
5. Flood, Chadin (dịch và hiệu đính). *The Dynastic Chronicles, Bangkok Era, The First Reign* [Xiêm La thực lục, Đệ nhất kỷ], Chaophraya Thiphakorawong Edition, Vol. Two: Annotations and Commentary. Tokyo: The Centre for East Asian Cultural Studies, 1990.

6. Flood, Thadeus và Chadin (dịch và hiệu đính). *The Dynastic Chronicles, Bangkok Era, The First Reign* [Xiêm La thực lục, Đế nhất kỷ], Chaophraya Thiphakorawong Edition, Vol. One: Text. Tokyo: The Centre for East Asian Cultural Studies, 1978.
7. Heine-Geldern, Robert. *Conceptions of State and Kingship in Southeast Asia*. Ithaca, New York: Cornell University, 1956.
8. Khuyết danh. *Sử ký Đại Nam Việt* (Annales Annamites). Saigon: Nhà Dòng Tân Định (Imprimerie de la mission à Tân Định), 1909. (Nhóm Nghiên cứu Sử địa Việt Nam in lại, Sài Gòn, 1974, tái bản Montreal, 1986).
9. Klaus Wenk. *The Restoration of Thailand Under Rama I, 1782-1809*. The University of Arizona Press, 1968.
10. Lê Công Lý, “Đất Ba Giồng xưa”, Huế: Tạp chí *Nghiên Cứu và Phát Triển* số 4 (63). 2007.
11. May Kyi Win và Harold E. Smith. *Historical Dictionary of Thailand*. Lanham, Md., & London: The Scarecrow Press, Inc., 1995.
12. Maybon, Charles. *Histoire Moderne du Pays d'Annam (1592-1820)*. Paris: Librairie Plon, 1920.
13. Nguyễn Thế Long. *Chuyện đi sứ - tiếp sứ thời xưa*. Hà Nội: Văn hóa- Thông tin, 2001.
14. Nguyễn Văn Huy. *Người Hoa tại Việt Nam*. Costa Mesa: NBC, 1993.
15. Nguyễn Văn Tân. *Từ điển địa danh lịch sử - văn hóa Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Văn hóa - Thông tin, 1998.
16. Phan Khoang. *Việt sử xứ Đàng Trong*. Hà Nội: Văn học, 2001.
17. Phasuk, Santanee và Philip Stott. *Royal Siamese Maps: War and Trade in Nineteenth Century Thailand*. Bangkok: River Books, 2004.
18. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam liệt truyện* (Ngô Hữu Tạo, Đỗ Mộng Khương dịch). Huế: Nxb Thuận Hóa, 1997.
19. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*, Tập một (bản dịch Viện Sử học). Hà Nội: Nxb Giáo dục, 2001.
20. Sơn Nam. *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*. Calif: Xuân Thu, không đề năm.
21. Suárez, Thomas. *Early Mapping of Southeast Asia*. Hongkong: Periplus, 1999.
22. Taboulet, Georges. *La Geste Française en Indochine* (Tome I & II) Paris: Librairie d'Amérique et d'Orient Adrien-Maisonneuve, 1955.
23. Tchang, Le P. Mathias. *Synchronismes Chinois*. Chang-hai: Imprimerie de la Mission Catholique, 1905. (Reprinted by Ch'eng-wen Publishing Co., Taipei, 1967).
24. The Treasure Department, Ministry of Finance (Thailand). *Coinage of the Rattanakosin Era AD 1782-1982*. Bangkok: Rung Silp Ltd., 1982.
25. Tống Phúc Ngoạn và Dương Văn Châu. *Xiêm La quốc lộ trình tập lục* (暹羅國路程集錄) Historical Material Series No. 2. Hongkong: The Chinese University of Hong Kong, Southeast Asia Studies Section, New Asia Research Institute, 1966.
26. Tran Tuyet Nhung và Anthony Reid (chủ biên). *Việt Nam-Borderless Histories*. Wisconsin: The University of Wisconsin Press, 2006.
27. Trương Vĩnh Ký P.J.B. *Cours d'Histoire Annamite à l'usage des écoles de la Basse-Cochinchine*. 1er Volume, [Comprenant les première, deuxième et troisième époques historiques jusqu'à la seconde dynastie de Lê, de 2874 avant Jésus-Christ jusqu'en 1428 de l'ère chrétienne.] Saigon: Imprimerie du gouvernement, 1875, 278 tr.
28. Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam. *Lịch sử Việt Nam* (tập I). Hà Nội: Nxb KHXH, 1976.
29. Viện Sử học. *Nghiên cứu lịch sử* (tạp chí) số 1 (220), 1985. Hà Nội: Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, 1985.
30. Wales, H. G. Quaritch. *Siamese State Ceremonies: Their History and Function*. London: Bernard Quaritch, Ltd., 1931.
31. Winichakur, Thongchai. *Siam Mapped: A History of the Geo-Body of a Nation*. Hawaii: University of Hawai'i Press, 1994.
32. Wood, William A. R. *History of Siam*. Bangkok, 1924.
33. Wyatt, David K. *Studies in Thai History*. Chiang Mai: Silkworm Books, 1996.
34. Wyatt, David K. *Thailand, A Short History*. New Haven and London: Yale University Press, 1984.

TÓM TẮT

Sử nước ta tuy chép nhiều chi tiết về việc Nguyễn Ánh cầu viện quân Xiêm nhưng gần như hoàn toàn không đề cập gì đến tương quan giữa hai nước Xiêm-Việt trong thế dựa vào nhau, có khi chung một mục tiêu nhưng cũng có lúc tranh chấp quyền lợi. Tương quan giữa hai bên không thể giải thích một cách minh bạch nếu chúng ta không đặt trong quan niệm chung về vương triều và tổ chức nhà nước của vùng Đông Nam Á. Tuy nhiên, vì đã quen với những khuôn mẫu nhất định ảnh hưởng từ Trung Hoa, việc thừa nhận những mối liên hệ đó hầu như không mấy ai đặt ra, hoặc chỉ lên án hành động cầu viện của Nguyễn Ánh là “rước voi về giày mả tổ”.

Biên khảo này nhấn mạnh vào tương quan khu vực và người viết cố gắng giải thích lại một số biến cố khi đối chiếu với lịch sử của Thái Lan, Ai Lao, Cao Miên... để chúng ta có thể hiểu được sử Việt Nam một cách rộng rãi hơn.

ABSTRACT**THE SIAM - VIETNAM RELATIONSHIP IN THE LATE 18th CENTURY**

Though our history noted down numerous facts about Nguyễn Ánh's petitions for help from Siamese army, it almost never mentions the relationship between the two nations connected to each other by destiny, at a time sharing the same objectives and at some other time opposing each other for national interest. The mutual relationship between the two sides cannot be defined clearly should we not regard it in the background of a common conception of a monarchy and the state mechanism of the nations in South East Asia. However, since we are so well accustomed to the norms imported from China, the need to recognize those relations is never taken into consideration or we just condemn Nguyễn Ánh's petition for help from Siam as “rước voi về giày mả tổ” [to bring grist to the enemy's mill].

This study put an emphasis on the regional relations and the author try to review some Vietnamese historical events while comparing them to the histories of Thailand, Laos and Campuchia in order that we can obtain a wider view of the Vietnamese history.